**MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

*(Kèm theo Quyết định số 2953/QĐ-ĐHKTQD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

**1. Mục tiêu đào tạo**

 Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế chuyên sâu kinh tế học nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về quản lý và quản trị kinh doanh; có các kiến thức chuyên sâu về kinh tế và cập nhật với tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế, đồng bộ và đa ngành, có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc độc lập; có các kỹ năng và công cụ phân tích kinh tế chuyên sâu, hiện đại và có đủ năng lực nghiên cứu, phân tích các chính sách kinh tế và quyết định kinh doanh ở nhiều cấp độ khác nhau; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.

**2. Chuẩn đầu ra**

***2.1. Về kiến thức***

*- Nhóm kiến thức về cơ sở lý luận chính trị, khoa học xã hội- tự nhiên và an ninh, quốc phòng*: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn. Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý học vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế. Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.

- *Nhóm kiến thức về cơ sở ngành và ngành:* Vận dụng được kiến thức về hoạch toán kế toán, thống kê, marketing, quản trị nhân lực trong phân tích các hoạt động kinh doanh và các tổ chức. Hiểu một hệ thống đồng bộ các lý thuyết, mô hình kinh tế, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề kinh tế ở góc độ ngành, địa phương, ở cấp độ quốc gia và quốc tế. Phân tích được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế đến các vấn đề kinh tế ở cả góc độ vi mô và vĩ mô ở Việt Nam và thế giới.

* *Nhóm kiến thức chuyên sâu ngành kinh tế học*: Khả năng vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về tình hình kinh tế - xã hội, các chính sách, các quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và các tác nhân kinh tế khác trong nước và quốc tế. Khả năng xây dựng khung phân tích, đánh giá và phản biện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương. Nắm bắt được phương pháp phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích ngành và phân tích công ty.

***2.2. Về kỹ năng***

- *Nhóm kỹ năng thực hành nghề nghiệp:* Có khả năng sử dụng công cụ chuyên sâu của kinh tế lượng trong phân tích kinh tế, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh … hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh. Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế-xã hội, chính sách cả ở góc độ vi mô và cấp độ vĩ mô tổng thể của nền kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế.

*- Kỹ năng cá nhân:* Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn. Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (chứng chỉ tin học quốc tế IC3, chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5).

***2.3. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm***

Cử nhân ngành Kinh tế có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc. Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu; có sáng kiến trong thực hiện các công việc được giao. Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

**Chuẩn đầu ra của chương trình và thang đo năng lực**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MÃ** | **Chuẩn đầu ra** | **Mức độ** |
| **I** |  | **KIẾN THỨC** |  |
| 1. | CĐR1 | Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM và Lịch sử Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội trong thực tiễn. | 3/6 |
| 2. | CĐR2 | Vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, kinh tế lượng, tin học, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và quản lý học vào giải thích và phân tích các vấn đề về kinh tế cơ bản của nền kinh tế. | 3/6 |
| 3. | CĐR3 | Có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất. | 3/6 |
| 4. | CĐR4 | Vận dụng được kiến thức về hoạch toán kế toán, thống kê, marketing, quản trị nhân lực trong phân tích các hoạt động kinh doanh và các tổ chức. | 3/6 |
| 5. | CĐR5 | Hiểu một hệ thống đồng bộ các lý thuyết, mô hình kinh tế, vận dụng và thực hiện được các phân tích từ cơ bản cho đến chuyên sâu về các vấn đề kinh tế ở góc độ ngành, địa phương, ở cấp độ quốc gia và quốc tế. | 4/6 |
| 6. | CĐR6 | Phân tích được các ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, xã hội, dân số và lao động, môi trường, đầu tư, kinh tế quốc tế và hành vi của các tác nhân trong nền kinh tế đến các vấn đề kinh tế ở cả góc độ vi mô và vĩ mô ở Việt Nam và trên thế giới | 3/6 |
| 7. | CĐR7 | Khả năng vận dụng các lý thuyết, mô hình kinh tế được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về tình hình kinh tế - xã hội, các chính sách, các quyết định của Chính phủ, các doanh nghiệp và các tác nhân kinh tế khác trong nước và quốc tế | 4/6 |
| 8. | CĐR8 | Khả năng xây dựng khung phân tích, đánh giá và phản biện các chính sách phát triển kinh tế-xã hội trong phạm vi nền kinh tế, ngành và địa phương. Nắm bắt được phương pháp phân tích kinh tế vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty | 4/6 |
| **II** |  | **KỸ NĂNG** |  |
| 11. | CĐR9 | Có khả năng sử dụng công cụ chuyên sâu của Kinh tế lượng trong phân tích kinh tế, sử dụng thành thạo các phần mềm Stata, Eviews … hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế và kinh doanh | 4/5 |
| 12. | CĐR10 | Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát các vấn đề kinh tế-xã hội, chính sách cả ở góc độ vi mô và cấp độ vĩ mô tổng thể của nền kinh tế để giải quyết các vấn đề kinh tế | 4/5 |
| 13. | CĐR11 | Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn | 4/5 |
| 14. | CĐR12 | Kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ giao tiếp và chuyên ngành thành thạo để giải quyết các công việc chuyên môn (CĐR áp dụng tại Trường ĐHKTQD với tin học là chứng chỉ tin học quốc tế IC3, ngoại ngữ là chứng chỉ quốc tế tương đương IELTS 5.5). | 4/5 |
| **III** |  | **NĂNG LỰC TỰ CHỦ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM** |  |
|  | CĐR13 | Cử nhân ngành Kinh tế có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; năng động, nhiệt huyết và luôn có tinh thần hợp tác và trách nhiệm với công việc | 4/5 |
|  | CĐR14 | Có năng lực dẫn dắt và ảnh hưởng về chuyên môn trong các lĩnh vực chuyên sâu; có sáng kiến trong thực hiện các công việc được giao. Có khả năng tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau | 3/5 |
|  | CĐR15 | Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn | 4/5 |
|  | CĐR16 | Có khả năng đưa ra các kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực chuyên sâu của mình; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. | 4/5 |

*\*Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)*

**3. Phương pháp giảng dạy – học tập**

Hoạt động dạy - học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành nhằm   
đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ tự chủ tự chịu trách nhiệm. Bảng 3 dưới đây tổng hợp các phương pháp giảng dạy - học tập được áp dụng tại CTĐT ngành KTH nhằm giúp cho sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra đã xác định.

**Bảng 3: Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương pháp,  hình thức tổ chức dạy học** | **Mục đích** |
| Thuyết giảng | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. |
| Thảo luận trên lớp | Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. |
| Thuyết trình | Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học. |
| Bài tập cá nhân | Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế. |
| Bài tập nhóm | Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác. Giúp sinh viên hiểu rõ, biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế. |
| Nghiên cứu bài học và tài liệu | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự phát triển năng lực bản thân. |
| Nghiên cứu tình huống | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu; hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế. |
| Học theo dự án | Được áp dụng trong một số học phần chuyên sâu, đề án, chuyên đề tốt nghiệp. Giúp sinh viên vận dụng các nội dung chương trình học vào vấn đề thực tế, phát triển kiến thức và kỹ năng chuyên sâu. |
| Thực tập, đi thực tế | Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học để giải quyết vấn đề thực tế. |

**4. Phương pháp đánh giá**

          Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập sinh viên chương trình cử nhân Kinh tế chuyên sâu Kinh tế học được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân theo quyết định số 1212/QĐ-ĐHKTQD ngày 12/12/2012 và quyết định số 389/QĐ-ĐHKTQD ngày 8/3/2019.

Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra đánh giá, các đầu điểm, phạm vi kiểm tra và tỷ trọng của các đầu điểm thành phần, trong đó: điểm chuyên cần và thái độ học tập (10%), điểm kiểm tra giữa kỳ tùy thuộc vào đặc thù của mỗi học phần được thiết kế (40% hoặc 30%) có thể là điểm bài kiểm tra cá nhân, điểm thảo luận/thuyết trình/trình bày nhóm, điểm thi hết học phần (50% hoặc 60%).

- Điểm chuyên cần (10%) được đánh giá dựa trên các tiêu chí mức độ tham gia lớp học đầy đủ, mức độ chuẩn bị bài học ở nhà, mức độ sinh viên tham gia trả lời câu hỏi của giảng viên và mức độ tham gia đặt câu hỏi với bài giảng của giảng viên.

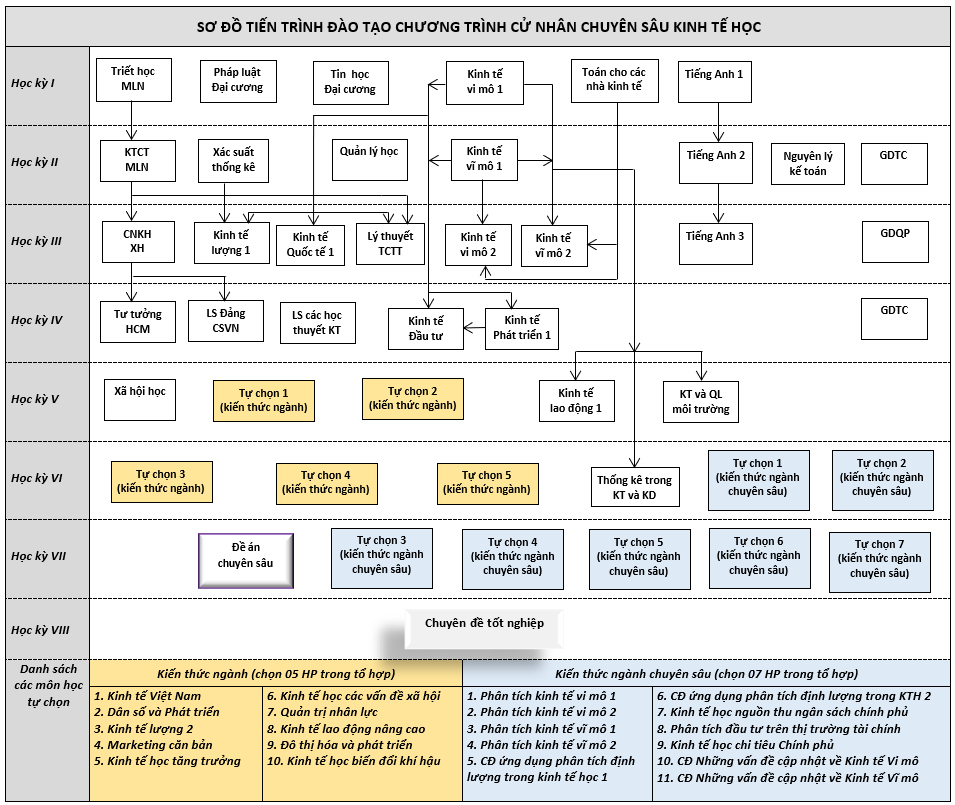
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: bài kiểm tra cá nhân có thể dưới hình thức bài kiểm tra trên lớp có sử dụng hoặc không sử dụng tài liệu, bài tiểu luận cá nhân. Bài thảo luận và trình bày nhóm có thể dưới dạng phân tích tình huống mà giảng viên cung cấp, lập dự án, viết tiểu luận. Bài kiểm tra cá nhân và bài thảo luận, trình bày nhóm có các tiêu chí đánh giá cụ thể, logíc và bám sát chuẩn đầu ra của học phần và chương trình đào tạo.

- Thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận, một số học phần thi trắc nghiệm. Đề thi theo hình thức tự luận có dạng câu hỏi tự luận không sử dụng tài liệu và có dạng câu hỏi tự luận được sử dụng tài liệu. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ giá trị, tin cậy và công bằng. Bài thi tự luận của sinh viên được chấm chi tiết theo đáp án. Quy trình chấm thi chuẩn hóa (dồn túi, đánh phách, rọc phách, hai giảng viên cùng chấm, vào điểm, ghép phách...) có sự tham gia của TT Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với sinh viên.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR, bao gồm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, đề án môn học, v.v... tùy theo đặc thù từng học phần. Nội dung và phương pháp kiểm tra đánh giá gắn với CĐR của học phần về kiến thức, kỹ năng tương ứng, trong đó có kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng phản biện, làm việc nhóm, giao tiếp, giải quyết xung đột, kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng lập kế hoạch công việc, kỹ năng quản lý thời gian v.v...

Để đảm bảo tính liêm chính trong học thuật, theo quy định của Nhà trường, tất cả các chuyên đề tốt nghiệp phải được kiểm tra thông qua phần mềm Turnitin để xác định tỷ lệ trùng lắp với các tài liệu, các công trình khoa học trước đó. Chuyên đề tốt nghiệp đạt yêu cầu khi tỷ lệ trùng lắp phải từ 19% trở xuống.

**5. Sơ đồ cấu trúc tiến trình đào tạo của chương trình**

****